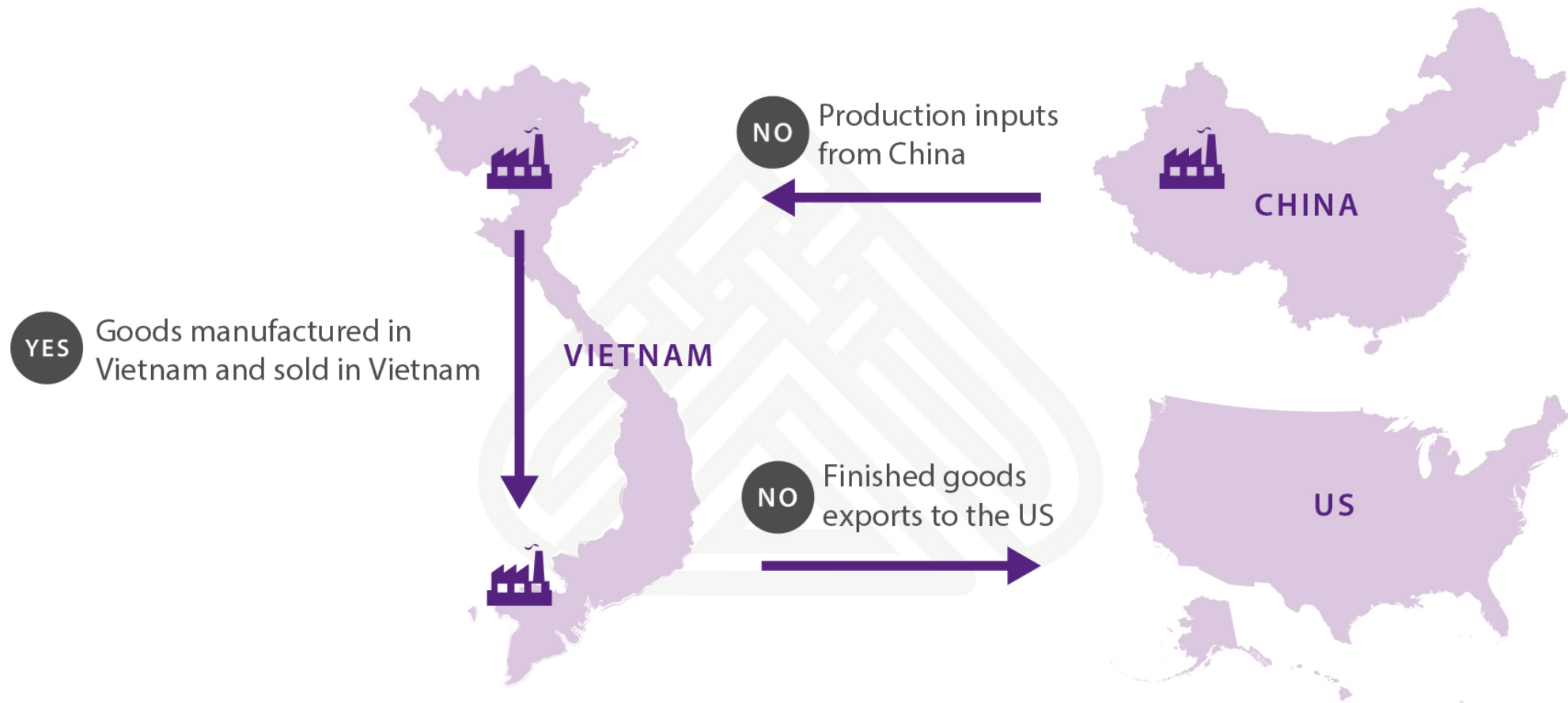


Chính sách thương mại

May 10, 2020

Christopher Balding

Made in Vietnam: Application of Draft Regulations



Qui tắc xuất xứ và hàng dệt may của CPTPP

Tóm tắt qui tắc xuất xứ

- Điều 3.2: Liên quan đến Xuất xứ Hàng hóa trừ khi được quy định khác trong Chương này, mỗi Bên sẽ công bố một hàng hóa có xuất xứ nếu nó:
 - (a) hoàn toàn có được hoặc sản xuất toàn bộ trong lãnh thổ của một hoặc nhiều Bên được quy định tại Điều 3.3 (Hàng hóa có được hoặc sản xuất hoàn bộ);
 - (b) được sản xuất hoàn toàn trên lãnh thổ của một hoặc nhiều Bên, hoàn toàn từ nguyên liệu có xuất xứ; hoặc là
 - (c) được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều Bên sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ miễn là hàng hóa thỏa mãn tất cả các bên.

Tóm tắt qui tắc xuất xứ

- Điều 3.6: nguyên liệu sử dụng trong sản xuất
- 1. Mỗi bên phải công bố nếu nguyên liệu không có xuất xứ có được gia công chế biến thêm để thỏa mãn yêu cầu của Chương này, nguyên liệu này được xem là có xuất xứ khi xác định tư cách xuất xứ của hàng hóa được tạo ra sau đó, bất kể nguyên liệu này là do nhà sản xuất của hàng hóa đó sản xuất ra.
- 2. Mỗi bên phải công bố nếu nguyên liệu không có xuất xứ được dùng để sản xuất một hàng hóa, điều kiện sau đây có thể được tính là hàm lượng có xuất xứ với mục đích xác định xem hàng hóa đó có đáp ứng yêu cầu hàm lượng giá trị vùng hay không:
 - (a) giá trị của việc chế biến nguyên liệu không có xuất xứ được thực hiện trong lãnh thổ của một hay nhiều Bên trong thỏa thuận; và
 - (b) giá trị của bất kỳ nguyên liệu có xuất xứ nào được sử dụng trong việc sản xuất loại nguyên liệu không có xuất xứ trong lãnh thổ của một hay nhiều Bên trong thỏa thuận

Tóm tắt qui tắc xuất xứ

- Điều 3.11: De Minimis (qui tắc tối thiểu)
- 1. Trừ khi được nêu trong Phụ lục 3-C (Các ngoại lệ đối với Điều 3.11 (De Minimis)), mỗi bên phải công bố rằng một hàng hóa trong đó có những nguyên liệu không có xuất xứ và không thỏa mãn tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa có thể áp dụng trong Phụ lục 3-D (Nguyên tắc xuất xứ theo sản phẩm cụ thể) đối với hàng hóa này thì nó vẫn được xem là hàng có xuất xứ nếu giá trị của tất cả những nguyên liệu trên không vượt quá 10% giá trị của món hàng, như đã xác định theo Điều 3.1 (Định nghĩa), và hàng hóa này đáp ứng mọi yêu cầu có thể áp dụng của Chương này.
- 2. Đoạn 1 chỉ áp dụng khi sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất hàng hóa khác.
- 3. Nếu một hàng hóa được mô tả trong đoạn 1 cũng thuộc sự chi phối của yêu cầu hàm lượng giá trị vùng, thì giá trị của những nguyên liệu không có xuất xứ đó sẽ được đưa vào giá trị của những nguyên liệu không có xuất xứ đối với yêu cầu hàm lượng giá trị vùng có thể áp dụng.

Tóm tắt qui tắc xuất xứ hàng dệt

- Áp dụng Chương 3
- 1. Ngoại trừ được qui định trong chương này, Chương 3 (Các nguyên tắc xuất xứ và Các qui trình xuất xứ) sẽ áp dụng cho hàng dệt và may mặc. Qui tắc ngưỡng tối thiểu De Minimis
- 2. Hàng dệt hay may mặc được phân loại ngoài các chương 61 tới 63 thuộc Hệ thống Hải hòa trong đó bao gồm các nguyên liệu không có xuất xứ và không thỏa mãn tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa có thể áp dụng trong Phụ lục 4-A (Các nguyên tắc xuất xứ dệt may và sản phẩm may mặc cụ thể), sẽ được xem là hàng có xuất xứ nếu tổng trọng lượng của tất cả nguyên liệu này không nhiều hơn 10% tổng trọng lượng của hàng hóa đó, và mặt hàng đáp ứng tất cả những yêu cầu có thể áp dụng của Chương này và Chương 3 (Các nguyên tắc xuất xứ và Các qui trình xuất xứ)
- 3. Hàng dệt và may mặc được phân loại trong Chương 61 đến 63 của Hệ thống hải hòa có chứa xơ hoặc sợi không có xuất xứ trong thành phần của mặt hàng dùng để xác định mã số của hàng hóa, thì các nguyên liệu đó không thỏa mãn tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa trong Phụ lục 4-A

Tóm tắt qui tắc xuất xứ hàng dệt

- Điều 4.3: Hành động khẩn cấp
- 1. Theo Điều khoản này, nếu việc giảm hoặc loại bỏ thuế quan theo Thỏa thuận này dẫn đến việc hàng dệt may được hưởng lợi từ ưu đãi thuế quan được nhập khẩu vào lãnh thổ của một Bên với số lượng tăng rõ rệt, cả về tuyệt đối lẫn tương đối trên thị trường nội địa đối với hàng hóa đó, và trong điều kiện đó gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thực sự đối với ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp, thì bên nhập khẩu có thể, trong phạm vi và thời gian cần thiết để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại và để tạo điều kiện điều chỉnh, áp dụng hành động khẩn cấp theo đoạn 6, bao gồm việc tăng thuế suất đối với hàng hóa của một hay các Bên xuất khẩu nhưng không vượt quá mức ít hơn
 - (a) mức thuế quan được áp dụng theo qui chế tối huệ quốc có hiệu lực tại thời điểm áp dụng hành động; và
 - (b) mức thuế quan được áp dụng theo qui chế tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày trước ngày Thỏa thuận này có hiệu lực đối với bên nhập khẩu

Nguyên tắc xuất xứ và ưu đãi thương mại

Tại sao nguyên tắc xuất xứ quan trọng?

- Việc áp dụng các ưu đãi thương mại, cho dù là đơn phương (như Hệ thống ưu đãi tổng quát hoặc GSP) hoặc được áp dụng do kết quả của các hiệp định thương mại tự do (FTA) đòi hỏi phải có các hướng dẫn cho phép xác định nguồn gốc hàng hóa nhằm đảm bảo sự ưu đãi đó chỉ có lợi cho những sản phẩm có xuất xứ từ các nước thụ hưởng.
- Các cơ chế xuất xứ có thể dẫn đến sản xuất phi hiệu quả và phân biệt đối xử
- Các nguyên tắc xuất xứ thắt chặt có thể hạn chế một cách tiêu cực việc thuê ngoài đầu vào và FTA

Tại sao nguyên tắc xuất xứ quan trọng?

- Các cơ chế xuất xứ xác định hàng hóa là có nguồn gốc bên trong FTA khi nó được sản xuất hoàn toàn trong các quốc gia thành viên. Các tiêu chí khả dĩ cho việc thay đổi đủ để nhận được ưu đãi của FTA bao gồm:
 - Thay đổi phân loại thuế quan hay chuyển đổi mã số hàng hóa. Điều này liên quan đến yêu cầu phân loại thuế quan của hàng hóa thành phẩm phải khác với các thành phần hoặc nguyên liệu nước ngoài.
 - Ngưỡng giá trị gia tăng tối thiểu
 - Sử dụng quy trình kỹ thuật cụ thể hoặc các thành phần nhất định trong sản xuất sản phẩm

Nguyên tắc xuất xứ không ưu đãi và chương trình hài hòa của WTO

Tại sao nguyên tắc xuất xứ quan trọng?

- Thỏa thuận WTO về Quy tắc xuất xứ kêu gọi Chương trình hài hòa để tạo ra một bộ quy tắc xuất xứ chung, không ưu đãi
- Mục tiêu chính của Thỏa thuận Quy tắc xuất xứ là hài hòa các quy tắc xuất xứ không ưu đãi và đảm bảo rằng chúng được áp dụng như nhau cho tất cả các mục đích
- Một vấn đề lớn đối với các quốc gia liên quan đến việc hài hòa các quy tắc xuất xứ là quyết định xem có bỏ đi, giữ lại hay thu nạp xuất xứ hay không.

Tại sao nguyên tắc xuất xứ quan trọng?

- Đời sống kinh doanh phát triển với tốc độ nhanh hơn so với các cuộc đàm phán thương mại đa phương, nhưng giới chức hải quan và thương mại vẫn phải luôn xác định xuất xứ
- Quy tắc xuất xứ đang được đàm phán được cân đo phù hợp với quy trình ngành và công nghệ được sử dụng ở các nước công nghiệp, và không nhất thiết phản ánh nhu cầu, khả năng và nguồn lực của các nước đang phát triển và cơ quan hải quan ở đó.

Nguyên tắc xuất xứ rồi như canh hẹ

Nguyên tắc xuất xứ khiến
cho việc tiếp cận lợi ích
các thỏa thuận thương
mại dễ như khi ăn mì chỉ
với một chiếc đũa!



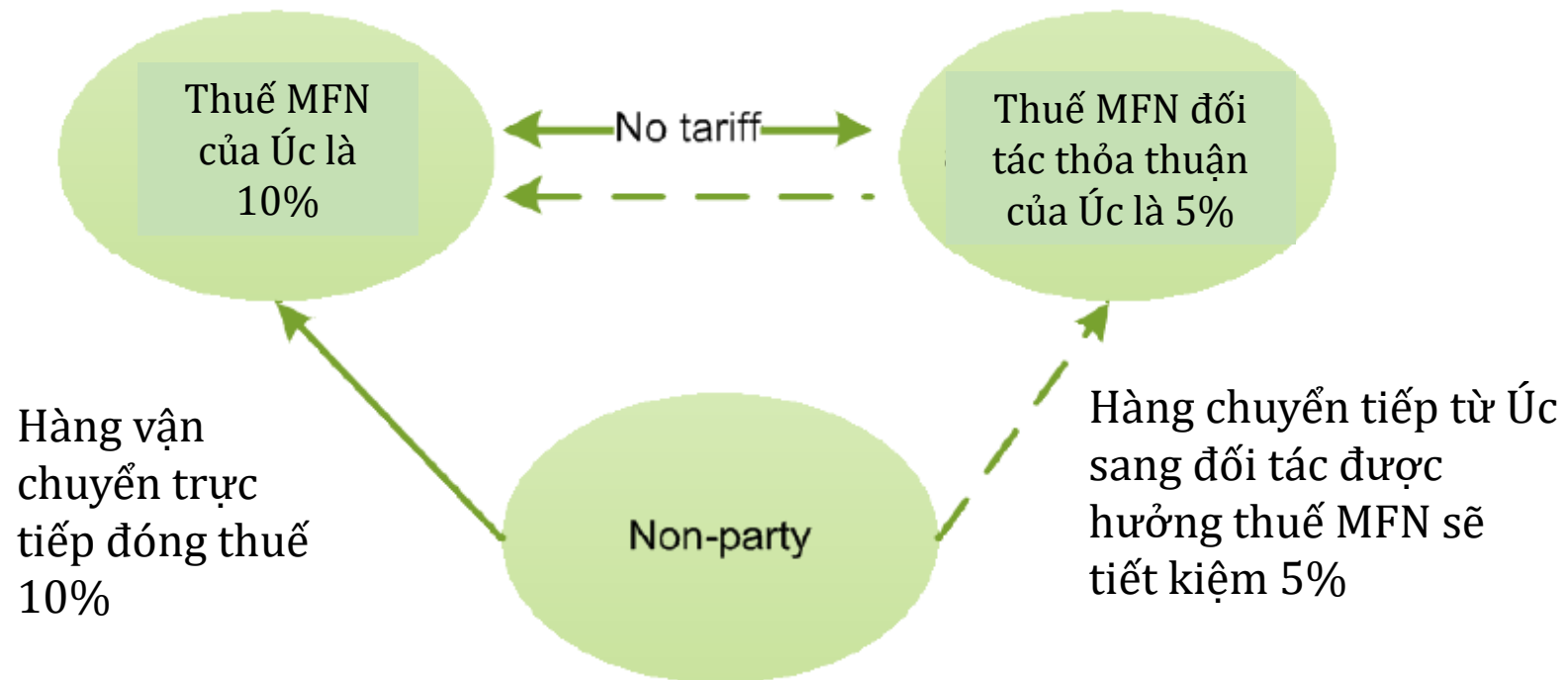
Tóm tắt quy tắc xuất xứ

- Quy tắc xuất xứ (RoO) đã trở thành một rào cản thương mại nguy hiểm đối với doanh nghiệp Úc. Bản chất bảo hộ vốn có của nó ít được biết đến – vì được ngụy trang trong sự phức tạp đáng sợ nhưng vô nghĩa của các nguyên tắc này.
- RoO là những yêu cầu kiểm định sự chuyển đổi (thường yêu cầu phải đáp ứng ngưỡng giá trị gia tăng nội địa) để có được những ưu đãi thuế quan và hạn ngạch theo các hiệp định thương mại ưu đãi (PTA). Chúng là hàng rào phi thuế quan.
- RoO có tính ngấm ẩn vì chúng giành được sự nhượng bộ thương mại ẩn tượng, nhưng sự phức tạp và tính chất hạn chế (thương mại) của nó làm xói mòn đáng kể các tác động thương mại tích cực có chủ đích của PTA.
- Chi phí của RoO (bao gồm tính bất trắc trong kinh doanh và sự xói mòn do nhượng bộ thương mại) sẽ chỉ trở nên tồi tệ hơn trong một thế giới gồm những chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu rời rạc và đầy rẫy PTA.

Quy tắc xuất xứ là gì?

Quy tắc xuất xứ (RoO) nhằm ngăn chặn các nhà xuất khẩu ở các quốc gia, không phải là các đối tác tham gia hiệp định thương mại ưu đãi (PTA), ăn theo các ưu đãi được đàm phán trong thỏa thuận. Hàng hóa được sản xuất một phần tại một quốc gia đối tác (sử dụng đầu vào từ các quốc gia không phải là đối tác) chỉ đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan nếu quá trình sản xuất trong nước đã chuyển đổi đầy đủ phần nguyên liệu đầu vào không phải đối tác.

RoO nhằm tới ngăn chặn các bên không tham gia thỏa thuận lợi dụng thuế quan ưu đãi



Nguyên tắc xuất xứ là gì?

- RoO được dùng thúc đẩy thương mại hay vì mục tiêu bảo hộ?
- Có phải RoO đang cản trở sự phát triển của PTA trong việc tự do hóa thương mại nói chung?
- Chi phí tuân thủ có làm giảm giá trị mà nhà nhập khẩu và xuất khẩu có được từ PTA?

Nguyên tắc xuất xứ mang tính bảo hộ như thế nào?

- Ưu đãi thuế quan mang tính phân biệt đối xử trong mỗi hiệp định thương mại đều có xu hướng tạo ra thương mại lần chuyển hướng thương mại. RoO trong mỗi thỏa thuận sẽ ảnh hưởng đến mức độ hạn chế giao thương.
- Trong PTA, các yêu cầu kiểm định sự chuyển đổi có thể được thay đổi theo sản phẩm và thường được thống nhất rằng không có kiểm định nào là tốt nhất. WTO kết luận rằng không có phương pháp nào thỏa đáng để xác định xuất xứ, áp dụng cho tất cả các sản phẩm và phục vụ mọi mục đích (WTO 2002). Điều này tạo ra phạm vi đáng kể cho phép RoO được thiết kế với bản chất bảo hộ cho các ngành cạnh tranh nhập khẩu (và các nhà cung cấp đầu vào khu vực).

Chi tiết quan trọng

Với RoO, điều đáng sợ nằm ở chi tiết. RoO nghiêm ngặt hơn làm giảm phạm vi hàng chuyển tiếp, nhưng nó cũng có thể đóng vai trò bảo vệ các công ty cạnh tranh nhập khẩu khỏi sự cạnh tranh từ các nhà xuất khẩu ở quốc gia đối tác PTA. Nghĩa là, nó có thể hạn chế chính hoạt động thương mại mà PTA đang hướng tới.

Kiểm định sự chuyển đổi

- Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) - hàng hóa xuất khẩu phải đạt ngưỡng giá trị phần trăm của đầu vào được sản xuất trong nước hoặc khu vực. Ví dụ, một chiếc xe gia đình được nhập khẩu vào Úc từ Hoa Kỳ đủ điều kiện để giảm thuế theo AUSFTA nếu ít nhất 50% chi phí sản xuất là từ đầu vào của Hoa Kỳ và Úc.
- Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC) - hàng hóa xuất khẩu phải có mã thuế quan khác với mã của bất kỳ đầu vào nhập khẩu nào. Tiêu chí CTC có thể được áp dụng 'theo nghĩa rộng' ràng buộc hơn (cấp độ 2 số hoặc chương) hoặc 'theo nghĩa hẹp' ít ràng buộc hơn (mã HS 4 số hoặc nhóm hoặc phần nhóm HS 6 số) theo phân nhóm sản phẩm thuộc Hệ thống hài hòa mã hóa và mô tả hàng hóa (HS). Ví dụ, việc chuyển đổi bông không có xuất xứ (trong chương 52) thành vải (trong chương 61) liên quan đến quá trình chế biến đáng kể thay vì chỉ thay đổi 4 chữ số để biến xơ bông thô (52,01) thành xơ bông đã được chải (52,02).
- Kiểm định quy trình được chỉ định - hàng hóa xuất khẩu phải trải qua các hoạt động sản xuất hoặc chế biến được chỉ định để được coi là có nguồn gốc của quốc gia nơi chúng được sản xuất. Ví dụ, dung dịch hòa tan trong nước hoặc các dung môi khác không được coi là phản ứng hóa học và quá trình tinh chế phải dẫn đến việc loại bỏ không dưới 80% tạp chất.

Kiểm định quy tắc xuất xứ

- Miễn trừ tối thiểu De minimis – miễn trừ một phần tối thiểu của hàng hóa không có xuất xứ khỏi việc đáp ứng tiêu chí CTC. Chẳng hạn, AUSFTA cho phép tất cả các nguyên liệu không có nguồn gốc chiếm tối đa 10 phần trăm giá trị FOB của hàng hóa cuối cùng. ASEAN, EU và TPP đều sử dụng 10% và NAFTA 7%, nhưng không thể so sánh trực tiếp với nhau vì có sự khác biệt trong cơ sở tính toán (như FOB, giá xuất xưởng, tổng chi phí và giá cuối cùng).
- Tích lũy - mở rộng định nghĩa về xuất xứ đầu vào để bao gồm các quốc gia khác. Ví dụ, theo ANZCERTA, một nhà xuất khẩu của Úc sang New Zealand có thể tính đầu vào từ New Zealand là 'xuất xứ'. RoO ngày nay thường xuyên cho phép tích lũy song phương theo cách này. Thỏa thuận tự do hơn còn cho phép tích lũy chéo, nghĩa là một nhà xuất khẩu của Úc sang New Zealand được tính cả đầu vào của Chile vì cả Úc và New Zealand đều có thỏa thuận với Chile. Tích lũy toàn bộ xảy ra khi một nhóm các quốc gia được liên kết với nhau bằng một mạng lưới các thỏa thuận, và khu vực tích lũy là toàn bộ khu vực được bao phủ bởi các quốc gia trong hai hoặc nhiều PTA riêng biệt.

Tại sao nguyên tắc xuất xứ cản trở tự do hóa?

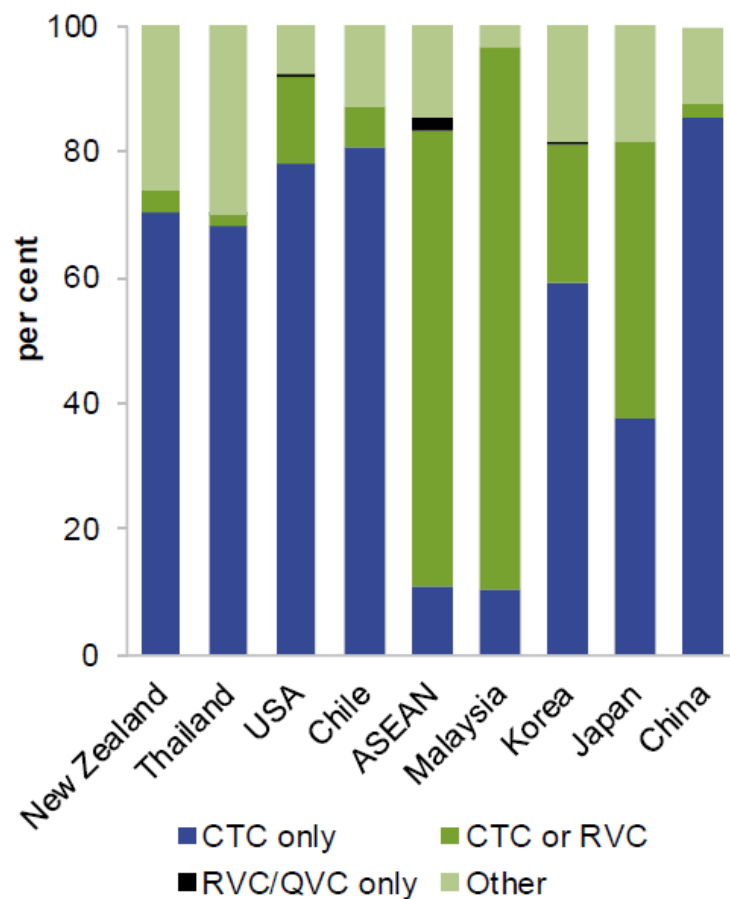
Trong một thế giới mà phần lớn các chính phủ giảm tự do hóa thương mại đơn phương trong khi đàm phán đa phương bị đình trệ, người ta cho rằng các hiệp định thương mại song phương và khu vực có thể là một lực lượng để tự do hóa. Tuy nhiên, các thỏa thuận đa phương với RoO và lịch trình giảm thuế riêng biệt, sẽ làm phức tạp các tính toán sản xuất và thương mại. Baghwati (2008) đã mô tả tập hợp các thỏa thuận chồng chéo này là đĩa mì spaghetti, và gần đây Davidson (2014) đã gắn nhãn bộ thỏa thuận của Úc là rối như “tô mì tàu”.

Tại sao nguyên tắc xuất xứ cản trở tự do hóa?

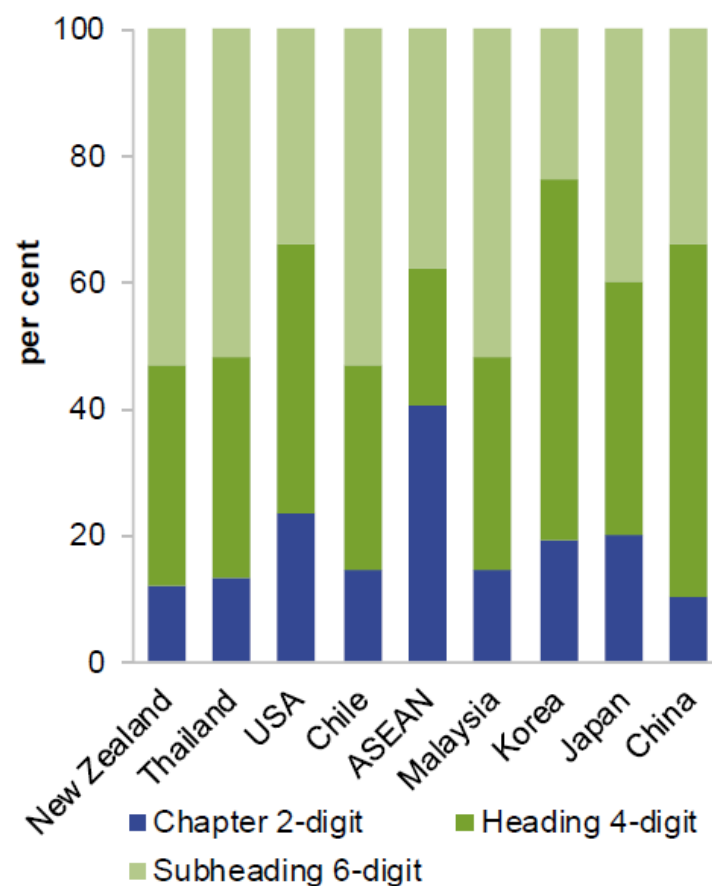
Chuyển hướng thương mại xảy ra bởi vì ưu đãi thuế quan cho phép nhà xuất khẩu là đối tác trong PTA 'bỏ qua' các nhà cung cấp hiện có (hoặc tiềm năng) rẻ hơn nhưng không thuộc đối tác. Chính yêu cầu kiểm định sự chuyển đổi của RoO đã bảo vệ lợi thế này bằng cách ngăn chặn việc chuyển tiếp hàng của nước thứ ba. Do đó, thương mại được hình thành giữa các đối tác nhưng lại chuyển hướng khỏi các nguồn chi phí thấp hơn. Nếu đối tác thỏa thuận là nhà cung cấp hiện tại của một sản phẩm – hay còn gọi là đối tác thương mại tự nhiên - thì RoO dường như không cần thiết. Nhưng sự tồn tại của nó có thể loại trừ sản phẩm có mức độ gia công tương đối ít và do đó làm giảm việc tạo ra thương mại.

Các phương pháp được sử dụng để xác định xuất xứ thương mại hàng hóa trong các thỏa thuận thương mại ưu đãi của Úc ^{a, b, c, d}

Nguyên tắc xác định xuất xứ
% trong các quy định cụ thể ^c



Áp dụng tiêu chí CTC
% trong các tiêu chí CTC cụ thể ^c



RoO có tác dụng thế nào trong thực tế?

- Tất cả các thỏa thuận thương mại của Úc đều cho phép một số sản phẩm chọn lựa giữa tiêu chí CTC hoặc RVC. Việc cho phép lựa chọn phải nhằm mục đích giảm mức độ nghiêm ngặt và chi phí tuân thủ so với việc chỉ định CTC hoặc RVC. Công thức lựa chọn rất phổ biến đối với MAFTA (gần 90% các dòng thuế), ANZCERTA (khoảng 85%) và JAEPA (khoảng 50 phần trăm).
- Trái ngược với công thức lựa chọn, một số RoO yêu cầu kiểm tra kép, ví dụ CTC và RVC, điều này đặt RoO ở phạm vi hạn định cao hơn cho cả hai tiêu chí. ChAFTA yêu cầu xe cơ giới (mã số HS 8704) phải đáp ứng cả hai kiểm định CTC (4) và RVC45. Trớ trêu là các bộ phận và phụ kiện của những chiếc xe này (HS 8708) lại được chọn kiểm định (CTC (4) hoặc RVC50).
- Có thể tìm thấy một ví dụ kết hợp cả lựa chọn lẫn kiểm định kép trong AANZFTA. Thiết bị nấu ăn và máy hấp đĩa: đối với nhiên liệu khí đốt hoặc cho cả khí đốt và nhiên liệu khác (HS 7321.11) cho phép chọn giữa tiêu chí RVC (40) hoặc CTC (4) hoặc chọn tiêu chí kép (RVC (35) + CTC (6)).

RoO có tác dụng thế nào trong thực tế?

- Một hậu quả đáng kể khi RoO được thiết kế riêng theo các thỏa thuận là nhà xuất khẩu phải đối mặt với các RoO khác nhau ở các thị trường khác nhau. Ví dụ, trong trường hợp khăn trải giường (HS 6302), sáu thỏa thuận yêu cầu chuyển đổi theo CTC (2) nhưng khác nhau về tiêu chí kiểm tra bổ sung và ngoại lệ. Khi một nhà xuất khẩu phải đối mặt với RoO khác nhau, quy định ngặt nghèo nhất có thể trở thành ràng buộc chính đối với họ. Nghĩa là, nếu thị trường đó quan trọng đối với công ty và chi phí thay đổi sản phẩm theo các thị trường khác nhau là không nhỏ, thì các công ty phải thay đổi quy trình sản xuất để tuân thủ.
- Các thỏa thuận thương mại chéo cũng làm vấn đề trầm trọng hơn. Úc có các thỏa thuận ưu đãi song phương với New Zealand (1983), Singapore (2003), Thái Lan (2005) và Malaysia (2012), và cũng là thành viên của thỏa thuận AANZFTA (2010). Bản sửa đổi năm 2016 (chưa có hiệu lực) đối với SAFTA (với hệ thống dựa trên CTC để phù hợp với AANZFTA) đã giải quyết được một trường hợp chéo vì ban đầu thỏa thuận Singapore chỉ là tiêu chí RVC ở mức 30 hoặc 50%, nhưng các chéo khác vẫn còn.

Ví dụ RoO trong thương mại

- Úc - Hoa Kỳ. Thay đổi từ nhóm 6302 từ bất kỳ chương nào khác, ngoại trừ từ nhóm 5106 đến 5113, 5204 đến 5212, 5307 đến 5308 hoặc 5310 đến 5311, chương 54 hoặc nhóm 5508 đến 5516, 5801 đến 5802 hoặc 6001 đến 6006, với điều kiện mặt hàng được cắt (hoặc đan để tạo hình) và khâu hoặc lắp ráp tại Mỹ hoặc Úc.
- Thái Lan - Úc. Thay đổi nhóm 6302 từ bất kỳ chương nào khác, với điều kiện là bất kỳ vật liệu không có nguồn gốc nào là vải đã được tẩy hoặc chưa được tẩy, và có hàm lượng giá trị khu vực không dưới 55%.
- Úc - New Zealand. Thay đổi thành nhóm 6302 từ bất kỳ chương nào khác, với điều kiện là nguyên liệu ban đầu là vải, vải là nguyên liệu thô và được hoàn thiện đầy đủ trong lãnh thổ của các Bên; hoặc Không yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa, với điều kiện là có hàm lượng giá trị khu vực không dưới 45% dựa trên phương pháp giảm dần.
- Úc - Chile. Thay đổi thành nhóm 6302 từ bất kỳ chương nào khác với điều kiện là nguyên liệu ban đầu là vải, vải là nguyên liệu thô và được hoàn thiện đầy đủ trong lãnh thổ của các Bên.
- Malaysia - Úc. Thay đổi thành nhóm 6302 từ bất kỳ chương nào khác, với điều kiện là nguyên liệu ban đầu là vải, vải là vải cuộn đã: (a) nhuộm hoặc in; và (b) hoàn thiện ở Úc hoặc Malaysia cho thấy có thể sử dụng ngay.
- Nhật Bản - Úc. Thay đổi nhóm từ bất kỳ chương nào khác với điều kiện khi các nguyên liệu không có xuất xứ thuộc các nhóm 50,07, 51,11 đến 51,13, 52,08 đến 52,12, 53,09 đến 53,11, 54,07, 54,08, 55,12 đến 55,16 hoặc chương 60 được sử dụng, mỗi loại nguyên liệu không có xuất xứ phải được dệt, hoặc dệt kim hoặc móc hoàn toàn trong Khu vực của một hoặc cả hai Bên.

Hệ thống bằng chứng xuất xứ: yêu cầu của nước nhập khẩu

<i>Hệ thống</i>	<i>Đặc điểm chính</i>	<i>% thỏa thuận thương mại^a</i>	<i>Nơi áp dụng</i>
1. Thẩm quyền cấp chứng nhận, gồm chứng nhận điện tử	Cơ quan nhà nước hoặc cơ quan được ủy quyền cấp chứng nhận xuất xứ theo mẫu ấn định	32.9	Liên Phi và liên Á
2. Hệ thống nhà xuất khẩu được chấp thuận	Nhà xuất khẩu được chấp thuận có thể tuyên bố xuất xứ trên chứng từ thương mại	36.9	Châu Âu
3. Hệ thống hoàn toàn dựa vào nhà xuất khẩu	Nhà xuất khẩu bất kỳ có thể ký và phát hành chứng nhận xuất xứ theo mẫu qui định	22.1	Mỹ
4. Chứng nhận dựa vào nhà nhập khẩu	Nhà nhập khẩu chứng nhận xuất xứ hàng hóa	8.1	

^a 149 thỏa thuận có hiệu lực 1994 đến 2013

Source: Azzam 201.

Phụ lục

Ghi chú về chuyển đổi

^a CTC liên quan tới sự chuyển đổi mã phân loại thuế quan. RVC là về nguyên tắc hàm lượng giá trị khu vực hay đạt chuẩn. “Khác” bao gồm kết hợp các tiêu chí CTC và RVC, nguyên tắc CTC kèm ngoại lệ, và qui trình kiểm định được xác định đòi hỏi các phương pháp sản xuất cụ thể cần thiết để thỏa điều kiện tham gia ưu đãi.

^b Thỏa thuận với Singapore không được tính vì chỉ yêu cầu thực hiện kiểm định RVC đối với mọi sản phẩm, ở mức 30 hay 50%. Năm 2016 các bên thống nhất thay đổi chỉ dùng hệ thống CTC để phù hợp với hệ thống AANZFTA (chưa có hiệu lực).

^c Các nguyên tắc riêng lẻ có thể được mô tả theo mức độ nhóm 4 số, phân nhóm 6 số hoặc các nhóm theo hạng mục dòng thuế.

^d Khi hệ thống ANZCERTA đi vào hiệu lực năm 1983, nguyên tắc RVC kèm kiểm định kỹ thuật đơn giản là nguyên tắc chính được áp dụng.

Nguồn: Ước tính của ủy ban